



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG – VIMCERTS 174
Địa chỉ: số 10 Liền kề 29, KĐT mới Vân Canh, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức,
Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 0243.2028865 **Email:** phantich.ecvn@gmail.com

BIÊN BẢN XÁC NHẬN LẤY MẪU TẠI HIỆN TRƯỜNG

Hải Phòng, ngày 19 tháng 06 năm 2025

- Đơn vị yêu cầu quan trắc:** CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CM
- Đơn vị được quan trắc:** Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng
- Địa điểm quan trắc:** phường Hoàng Lâm và phường Lê Hồng Phong, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.
- Cán bộ giám sát:**
- Cán bộ quan trắc:** Phạm Quang Trường, Nguyễn Hữu Quang
- Thông tin đo đạc và lấy mẫu:**

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Toạ độ	Ghi chú
1	KT1/02/19.06.2025	Khí thải tại ống khói sau hệ thống xử lý khí thải (sử dụng chung cho lò điện hồ quang EAF và lò tinh luyện LF)	X=2313134 Y=590950	
2	NT1/02/19.06.2025	Nước thải tại điểm xả nước thải vào môi trường tiếp nhận kênh Kiền Bái Tây	X=2313075 Y=591448	

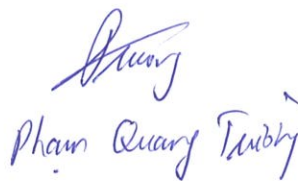
Việc lấy và bảo quản mẫu thực hiện theo đúng các TCVN tương ứng hiện hành, có sự giám sát của các bên liên quan. Nội dung Biên bản lấy mẫu đã thông qua những người tham gia và nhất trí ký tên dưới đây.

Việc lấy mẫu được bắt đầu vào 8 giờ 10 phút, ngày 19/06/2025 và kết thúc vào 12 giờ 00 phút, ngày 19/06/2025.

Đại diện đơn vị được quan trắc
(Ký, ghi rõ họ tên)


Chen Thanh Loan

Đại diện đơn vị quan trắc
(Ký, ghi rõ họ tên)


Phạm Quang Trường

Đại diện :
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện :
(Ký, ghi rõ họ tên)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05010/2025/PKQ (25.1076)

Đơn vị yêu cầu quan trắc : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CM
Địa chỉ : 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, phường An Biên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Đơn vị được quan trắc : Chi nhánh Công ty cổ phần thép Việt Ý tại Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : phường Hoàng Lâm và phường Lê Hồng Phong, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 19/06/2025 Thời gian phân tích: 20/06/2025 – 25/08/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 51:2017/ BTNMT Cột B1 (Kp=0,8 Kv=0,8)
				A2506/2923	
1.	Antimon (Sb) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,02)	6,4
2.	Chì (Pb) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,002)	3,2
3.	Cadimi (Cd) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,001)	3,2
4.	Crom (Cr) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,02)	-
5.	Tổng Dioxin/ Furan ^(*)	ng-TEQ/ Nm ³		0,0078	0,384
6.	Đồng (Cu) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,007)	6,4
7.	Niken (Ni) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,06)	-
8.	Kẽm (Zn) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,0009)	19,2
9.	Benzene ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	-
10.	Toluen ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	-
11.	Styren ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	-
12.	Xylen ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	-

Ghi chú:

- Vị trí quan trắc:

+ A2506/2923: KT1/02/19.06.2025/Khí thải tại ống khói sau hệ thống xử lý khí thải (sử dụng chung cho lò điện hồ quang EAF và lò tinh luyện LF).

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 51:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất thép.

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
 - Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
 - Thông số đánh giá^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh giá^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
 - Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 - Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN VÀ MÔI TRƯỜNG ASIA GREEN

PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG – VIMCERTS 174-VILAS 1504

Địa chỉ VPTN: Số nhà 10, Liền kề 29, KĐT M Vân Canh, xã Sơn Đồng, TP Hà Nội

Điện thoại: 0243.202.8865

Email: phantich.ecvn@gmail.com

- Chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi Công ty TNHH Tư vấn kỹ thuật, thiết bị và công nghệ môi trường Nguyễn Gia - Vimcerts 251

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; (-) Không quy định hoặc không phân tích.

PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG

ĐỖ THỊ NGỌC DIỄM

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2025

P. GIÁM ĐỐC



LÊ THUY DƯƠNG

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
3. Thông số đánh ^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh ^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
4. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
5. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05009/2025/PKQ (25.1076)

Đơn vị yêu cầu quan trắc : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CM**
Địa chỉ : 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, phường An Biên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Đơn vị được quan trắc : **Chi nhánh Công ty cổ phần thép Việt Ý tại Hải Phòng**
Địa điểm quan trắc : phường Hoàng Lâm và phường Lê Hồng Phong, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 19/06/2025 Thời gian phân tích: 20/06/2025 – 25/08/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 14:2008/ BTNMT
				W2506/6029	Cột B K=1
1.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,41	5 ÷ 9
2.	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) ^(a)	mg/L	SOP.ECVN.ĐN-N01	407	1.000
3.	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	19,3	50
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	18,3	100
5.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,128	10
6.	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	0,41	50
7.	Photphat (PO ₄ ³⁻ _P) ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,15	10
8.	Sunfua (S ²⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	KPH (MDL=0,02)	4
9.	Dầu mỡ động, thực vật ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	0,54	20
10.	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH (MDL=0,03)	10
11.	Coliform ^(a)	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B:2017	33	5.000

Ghi chú:

- **Vị trí quan trắc:**

+ **W2506/6029:** NT1/02/19.06.2025/Nước thải tại điểm xả nước thải vào môi trường tiếp nhận kênh Kiền Bái Tây.

- **Quy chuẩn so sánh:**

+ **QCVN 14:2008/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Cột B: Quy định giá trị của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
3. Thông số đánh ^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh ^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
4. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
5. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN VÀ MÔI TRƯỜNG ASIA GREEN

PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG – VIMCERTS 174-VILAS 1504

Địa chỉ VPTN: Số nhà 10, Liền kề 29, KĐT M Vân Canh, xã Sơn Đồng, TP Hà Nội

Điện thoại: 0243.202.8865

Email: phantich.ecvn@gmail.com

nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; (-) Không quy định hoặc không phân tích.

PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2025

ĐỖ THỊ NGỌC DIỄM



LÊ THỊ HUỖ DƯƠNG

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
 2. Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
 3. Thông số đánh giá^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh giá^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
 4. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 5. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 04513/2025/PKQ (ECVN/25.1241)

I. THÔNG TIN DO KHÁCH HÀNG CUNG CẤP – Information supplied by the client

Khách hàng - Client	: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN VÀ MÔI TRƯỜNG ASIA GREEN
Địa chỉ - Address	: Số nhà 10, Liên kê 29, KĐT M Vân Canh, xã Sơn Đồng, TP Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu - Sampling site:	Mẫu do khách hàng gửi đến
Loại mẫu - Type of Sample:	Khí thải
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	23/06/2025

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày trả kết quả - Results date: 25/08/2025

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Kết quả Testing result
				A2506/2923
1	2,3,7,8-TCDD	US EPA (40 CFR) 23	ngTEQ/Nm ³	0,0000
2	2,3,7,8-TCDF		ngTEQ/Nm ³	0,0004
3	1,2,3,7,8-PeCDD		ngTEQ/Nm ³	0,0000
4	1,2,3,7,8-PeCDF		ngTEQ/Nm ³	0,0000
5	2,3,4,7,8-PeCDF		ngTEQ/Nm ³	0,0050
6	1,2,3,4,7,8-HxCDD		ngTEQ/Nm ³	0,0004
7	1,2,3,6,7,8-HxCDD		ngTEQ/Nm ³	0,0000
8	1,2,3,7,8,9-HxCDD		ngTEQ/Nm ³	0,0000
9	1,2,3,4,7,8-HxCDF		ngTEQ/Nm ³	0,0015
10	1,2,3,6,7,8-HxCDF		ngTEQ/Nm ³	0,0003
11	1,2,3,7,8,9-HxCDF		ngTEQ/Nm ³	0,0000
12	2,3,4,6,7,8-HxCDF		ngTEQ/Nm ³	0,0000
13	1,2,3,4,6,7,8-HpCDD		ngTEQ/Nm ³	0,0001
14	1,2,3,4,6,7,8-HpCDF		ngTEQ/Nm ³	0,0001
15	1,2,3,4,7,8,9-HpCDF		ngTEQ/Nm ³	0,0000
16	OCDD		ngTEQ/Nm ³	0,0000
17	OCDF		ngTEQ/Nm ³	0,0000
18	Tổng Dioxin/Furan (tính theo TEQ)		ngTEQ/Nm ³	0,0078



Số/No.: 04513/2025/PKQ (ECVN/25.1241)

Ghi chú – Remark:

- A2506/2923: NG.EA.230625.04848;
- TEF: Hệ số độc tương đương (Toxic Equivalency Factor);
- TEQ: Hàm lượng độc tương đương (Toxic Equivalent), $TEQ = TEF \times \text{Hàm lượng}$;
- Kết quả TEQ chỉ tính theo các đồng phân phát hiện được, các đồng phân PCDD/Fs không phát hiện được lấy giá trị bằng 0;
- Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do Phòng Kỹ thuật & Dịch vụ môi trường lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng), Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia không giải quyết việc khiếu nại.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2025

Quản lý chất lượng
QA/QC

Phạm Thị Vi

Trưởng phòng phân tích
Supervised by

Hoàng Thị Hồng Anh



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bảo Ngọc

9953
IG TY
CP
IGHIET
TRUON
YEN GI
PHO V

PHỤ LỤC

Phụ lục: Hệ số độc tương đương của 17 đồng phân Dioxin/Furan theo WHO 2005

STT	Thông số	Hệ số độc tương đương (TEF-WHO 2005)
1	2,3,7,8-TetraCDD	1
2	2,3,7,8-TetraCDF	0,1
3	1,2,3,7,8-PentaCDD	1
4	1,2,3,7,8-PentaCDF	0,03
5	2,3,4,7,8-PentaCDF	0,3
6	1,2,3,4,7,8-HexaCDD	0,1
7	1,2,3,6,7,8-HexaCDD	0,1
8	1,2,3,7,8,9-HexaCDD	0,1
9	1,2,3,4,7,8-HexaCDF	0,1
10	1,2,3,6,7,8-HexaCDF	0,1
11	1,2,3,7,8,9-HexaCDF	0,1
12	2,3,4,6,7,8-HexaCDF	0,1
13	1,2,3,4,6,7,8-HeptaCDD	0,01
14	1,2,3,4,6,7,8-HeptaCDF	0,01
15	1,2,3,4,7,8,9-HeptaCDF	0,01
16	OctaCDD	0,0003
17	OctaCDF	0,0003



